

Số: 375/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

VỀ VIỆC CÔNG BỐ BÃI BỎ CÁC QUY HOẠCH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ, SẢN PHẨM CỤ THỂ  
theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch

VĂN PHÒNG UBND XÃ HƯƠNG GIANG  
**ĐẾN** Số: 203  
Ngày: 18/02/2019  
Chuyên: .....  
Lưu hồ sơ số: .....

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;  
Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 5 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật quy hoạch;  
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 257/TTr-SKHĐT ngày 25 tháng 01 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục các quy hoạch hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể bị bãi bỏ theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

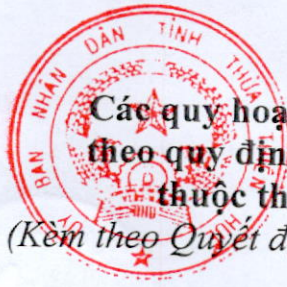
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư ;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phan Ngọc Thọ**



## DANH MỤC

**Các quy hoạch hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể bị bãi bỏ theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế**  
(Kèm theo Quyết định số: 375/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

| TT | Tên quy hoạch  | Thời kỳ quy hoạch (hay thời gian bắt đầu-kết thúc) | Số Quyết định, ngày tháng năm phê duyệt | Cấp phê duyệt quy hoạch |
|----|--|--|---|-------------------------|
| 1  | Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030                     | 2015-2030  | 2011/QĐ-UBND ngày 09/10/2014            | UBND tỉnh               |
| 2  | Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020   | Đến năm 2010, định hướng 2020                      | 1419/QĐ-UBND ngày 20/6/2007             | UBND tỉnh               |
| 3  | Quy hoạch Phát triển xuất bản - in - phát hành xuất bản phẩm đến năm 2020, định hướng đến năm 2030   | Đến năm 2020, định hướng 2030                      | 2430/QĐ-UBND ngày 11/10/2016            | UBND tỉnh               |
| 4  | Quy hoạch ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030  | 2013-2020, định hướng đến năm 2030                 | 921/QĐ-UBND ngày 19/5/2015              | UBND tỉnh               |
| 5  | Quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu và quy hoạch định hướng mạng lưới kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 | Định hướng đến năm 2020                            | 1208/QĐ-UBND ngày 28/6/2013             | UBND tỉnh               |
| 6  | Quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2012 - 2020  | 2015-2020  | 1590/QĐ-UBND ngày 21/08/2013            | UBND tỉnh               |
| 7  | Điều chỉnh bổ sung quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn huyện Nam Đông và địa bàn thị xã Hương Thủy  | 2015-2020  | 2463/QĐ-UBND ngày 19/5/2014             | UBND tỉnh               |
| 8  | Bổ sung quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, giai đoạn 2015- 2020 trên địa bàn thành phố Huế, thị xã Hương Trà và thị xã Hương Thủy     | 2015-2020  | 1677/QĐ-UBND ngày 26/8/2015             | UBND tỉnh               |

| TT | Tên quy hoạch  | Thời kỳ quy hoạch (hay thời gian bắt đầu-kết thúc) | Số Quyết định, ngày tháng năm phê duyệt | Cấp phê duyệt quy hoạch |
|----|--|--|---|-------------------------|
| 9  | Bổ sung quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, giai đoạn 2015- 2020 trên địa bàn thành phố Huế, thị xã Hương Trà và thị xã Hương Thủy | 2015-2020  | 1113/QĐ-UBND ngày 28/5/2018             | UBND tỉnh               |
| 10 | Quy hoạch phát triển nghề truyền thống và làng nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2025                         | 2015-2025  | 111/QĐ-UBND ngày 17/01/2015             | UBND tỉnh               |
| 11 | Quy hoạch hệ thống nghiên cứu, chuyển giao, sản xuất, cung ứng giống nông, lâm, thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020                          | 2015-2025  | 2865/QĐ-UBND ngày 10/12/2015            | UBND tỉnh               |
| 12 | Quy hoạch phân vùng sử dụng đất các bãi tắm, điểm vui chơi giải trí cộng đồng bền vững vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025              | Từ 2013 đến 2025                                   | 628/QĐ-UBND ngày 03/4/2013              | UBND tỉnh               |
| 13 | Quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng, tượng, biểu tượng kiến trúc và vườn tượng tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030        | Đến 2020, định hướng đến 2030                      | 3050/QĐ-UBND ngày 27/12/2017            | UBND tỉnh               |
| 14 | Quy hoạch phát triển khai thác hải sản và hậu cần nghề cá tỉnh TT.Huế đến năm 2025 tầm nhìn đến 2030   | Đến 2025 tầm nhìn 2030                             | 325/QĐ-UBND ngày 02/02/2018             | UBND tỉnh               |